

Số: *100* /QĐ-TTGDQPAN

Gia Lai, ngày 18 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh
Khóa 49, năm học 2024-2025 cho sinh viên trình độ cao đẳng của
Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn**

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Căn cứ Quyết định số 1047/QĐ-BGDDT, ngày 26 /3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 2861/QĐ-BQP, ngày 24/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc điều chỉnh, bổ sung danh sách liên kết giáo dục quốc phòng và an ninh;

Căn cứ Thông tư số 10/2018/TT-BLDTBXH, ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Thông tư 04/2022/TT-BLDTBXH, ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-dun hoặc tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 63/QĐ-TTGDQPAN, ngày 12/6/2024 của Giám đốc Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Quy Nhơn ban hành Quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh;

Căn cứ kết luận của Chủ tịch Hội đồng xét công nhận kết quả học tập môn học, cấp Chứng chỉ giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên Khóa 49, tại phiên họp ngày 18/7/2025;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo & Quản lý sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

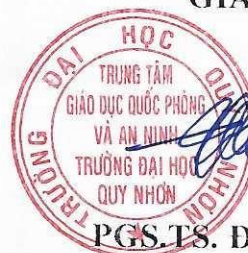
Điều 1. Công nhận kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh Khóa 49, năm học 2024-2025 cho 314 sinh viên đào tạo trình độ cao đẳng (có danh sách kèm theo) của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn.

Điều 2. Ông (bà) Trưởng Phòng Đào tạo & Quản lý sinh viên, Trưởng các đơn vị và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *[Chữ ký]*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn;
- Đăng website;
- Lưu: VT, PĐTQLSV.

GIÁM ĐỐC



PGS.TS. Đoàn Đức Tùng

DANH SÁCH XÉT KẾT QUẢ HỌC TẬP CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
KHÓA 49, NĂM HỌC 2024-2025

TRƯỜNG LIÊN KẾT: TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ QUY NHƠN

HP1: Giáo dục quốc phòng và an ninh 1 (02 tín chỉ - MHP 119006); HP2: Giáo dục quốc phòng và an ninh 2 (01 tín chỉ - MHP 119007)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 100/QĐ-TTGDQPAN ngày 18/7/2025 của Giám đốc Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Quy Nhơn)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành học	HP1	HP2	ĐTB	ĐTB	Xếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
1	C160047	Bùi Nguyễn Anh	20/4/2002	Nam	Cơ điện tử	7.0	M	7.00		Khá	Đạt	
2	C170302	Trần Văn	15/02/2001	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	7.3	M	7.30		Khá	Đạt	
3	C170306	Ngô Trường	11/8/2005	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	7.4	7.3	7.37		Khá	Đạt	
4	C170312	Lê Thanh	11/8/2004	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	7.3	7.3	7.30		Khá	Đạt	
5	C170317	Diệp Thê	11/01/2005	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	7.3	6.7	7.10		Khá	Đạt	
6	C180098	Hồ Lâm	31/12/2006	Nam	Điện công nghiệp	7.1	7.7	7.30		Khá	Đạt	
7	C180120	Đỗ Thành	17/12/2005	Nam	Công nghệ ô tô	6.9	7.3	7.03		Khá	Đạt	
8	C180121	Hồ Chí	14/7/2006	Nam	Công nghệ ô tô	6.3	8.0	6.87		Trung bình	Đạt	
9	C180122	Trần Quốc	05/9/2006	Nam	Công nghệ ô tô	6.6	7.4	6.87		Trung bình	Đạt	
10	C180123	Nguyễn Tấn	29/7/2006	Nam	Công nghệ ô tô	6.9	7.7	7.17		Khá	Đạt	
11	C180124	Nguyễn Võ Hoàng	18/6/2005	Nam	Công nghệ ô tô	7.3	7.1	7.23		Khá	Đạt	
12	C180125	Phạm Văn	07/9/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.6	7.0	7.40		Khá	Đạt	
13	C180126	Võ Tấn	16/5/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.5	7.4	7.47		Khá	Đạt	
14	C180128	Trần Tiến	25/3/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.1	7.3	7.17		Khá	Đạt	
15	C180130	Võ Đình	06/11/2006	Nam	Công nghệ ô tô	5.9	8.3	6.70		Trung bình	Đạt	
16	C180131	Võ Trung	17/3/2006	Nam	Công nghệ ô tô	5.0	7.1	5.70		Trung bình	Đạt	
17	C180132	Nguyễn Minh	04/10/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.0	8.6	7.53		Khá	Đạt	
18	C180133	Phạm Quang	24/5/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.2	8.1	7.50		Khá	Đạt	
19	C180134	Trần Đăng Đăng	22/8/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.6	8.9	8.03		Giỏi	Đạt	
20	C180135	Nguyễn Kế Anh	14/10/2005	Nam	Công nghệ ô tô	7.0	7.4	7.13		Khá	Đạt	
21	C180136	Trần Bảo	10/10/2006	Nam	Công nghệ ô tô	6.1	7.5	6.57		Trung bình	Đạt	
22	C180137	Huỳnh Ngọc	09/12/2006	Nam	Công nghệ ô tô	6.5	8.9	7.30		Khá	Đạt	
23	C180138	Lê Thiện	05/3/2006	Nam	Công nghệ ô tô	6.9	8.3	7.37		Khá	Đạt	
24	C180139	Bùi Anh	14/4/2006	Nam	Công nghệ ô tô	5.9	7.7	6.50		Trung bình	Đạt	
25	C180140	Phan Hoài	14/3/2006	Nam	Công nghệ ô tô	6.9	7.7	7.17		Khá	Đạt	
26	C180141	Lê Đình	02/6/2006	Nam	Công nghệ ô tô	6.9	8.0	7.27		Khá	Đạt	
27	C180142	Đặng Hồng	10/6/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.2	7.1	7.17		Khá	Đạt	
28	C180143	Trần Hữu	08/01/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.3	8.0	7.53		Khá	Đạt	
29	C180144	Huỳnh Chí	29/11/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.0	6.8	6.93		Trung bình	Đạt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nghành học	HP1	HP2	ĐTBCT	Xếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
30	C180145	Nguyễn Thành	03/4/2006	Nam	Công nghệ ô tô	6.7	7.4	6.93	Trung bình	Đạt	
31	C180146	Phan Vinh	23/4/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.6	8.9	8.03	Giỏi	Đạt	
32	C180147	Phạm Anh	11/9/2005	Nam	Công nghệ ô tô	6.4	8.3	7.03	Khá	Đạt	
33	C180148	Nguyễn Anh	01/11/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.3	7.1	7.23	Khá	Đạt	
34	C180149	Nguyễn Anh	03/5/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.4	6.3	7.03	Khá	Đạt	
35	C180150	Nguyễn Quốc	24/02/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.3	6.8	7.13	Khá	Đạt	
36	C180151	Đoàn Quốc	17/11/2006	Nam	Công nghệ ô tô	6.5	8.3	7.10	Khá	Đạt	
37	C180152	Huỳnh Trung	26/9/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.3	9.3	7.97	Khá	Đạt	
38	C180153	Trần Hữu	08/01/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.1	9.3	7.83	Khá	Đạt	
39	C180154	Đặng Văn	09/12/2005	Nam	Công nghệ ô tô	6.6	8.5	7.23	Khá	Đạt	
40	C180156	Nguyễn Thanh	20/11/2006	Nam	Công nghệ ô tô	6.9	8.5	7.43	Khá	Đạt	
41	C180157	Nguyễn Văn	27/12/2006	Nam	Công nghệ ô tô	6.9	8.9	7.57	Khá	Đạt	
42	C180159	Hồ Anh	31/12/2006	Nam	Công nghệ ô tô	6.4	6.3	6.37	Trung bình	Đạt	
43	C180160	Trần Anh	20/6/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.3	7.1	7.23	Khá	Đạt	
44	C180162	Võ Công Gia	14/10/2005	Nam	Công nghệ ô tô	7.3	6.3	6.97	Trung bình	Đạt	
45	C180163	Phan Hiệp	12/4/2006	Nam	Công nghệ ô tô	6.4	6.8	6.53	Trung bình	Đạt	
46	C180164	Phan Tiến	03/6/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.4	6.8	7.20	Khá	Đạt	
47	C180166	Nguyễn Xuân	10/02/2006	Nam	Công nghệ ô tô	6.4	7.9	6.90	Trung bình	Đạt	
48	C180167	Trương Hùng	02/6/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.0	7.4	7.13	Khá	Đạt	
49	C180168	Trần Quang	02/8/2006	Nam	Công nghệ ô tô	6.7	7.9	7.10	Khá	Đạt	
50	C180169	Nguyễn Quốc	19/4/2006	Nam	Công nghệ ô tô	6.4	7.4	6.73	Trung bình	Đạt	
51	C180171	Nguyễn Văn	20/3/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.0	7.7	7.23	Khá	Đạt	
52	C180172	Huỳnh Ngọc	15/11/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.4	6.9	7.23	Khá	Đạt	
53	C180173	Nguyễn Chí	27/4/2005	Nam	Công nghệ ô tô	7.4	7.7	7.50	Khá	Đạt	
54	C180175	Nguyễn Ngọc Minh	29/6/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.4	7.9	7.57	Khá	Đạt	
55	C180177	Đinh	21/7/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.3	7.9	7.50	Khá	Đạt	
56	C180178	Nguyễn Quang	22/02/2005	Nam	Công nghệ ô tô	7.3	7.9	7.50	Khá	Đạt	
57	C180179	Nguyễn Phước	28/9/2006	Nam	Công nghệ ô tô	6.4	7.1	6.63	Trung bình	Đạt	
58	C180180	Phan Lê Ngọc	29/10/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.3	7.7	7.43	Khá	Đạt	
59	C180182	Phan Trường Anh	12/7/2005	Nam	Công nghệ ô tô	7.3	7.4	7.33	Khá	Đạt	
60	C180183	Bùi Đức	08/4/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.3	7.4	7.33	Khá	Đạt	
61	C180184	Nguyễn Tấn	20/02/2004	Nam	Công nghệ ô tô	7.1	8.7	7.63	Khá	Đạt	
62	C180185	Nguyễn Thanh	06/11/2006	Nam	Công nghệ ô tô	6.7	7.4	6.93	Trung bình	Đạt	
63	C180186	Trần Minh	25/9/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.3	8.3	7.63	Khá	Đạt	
64	C180187	Phạm Minh	20/11/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.3	8.3	7.63	Khá	Đạt	
65	C180188	Đào Xuân	18/8/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.4	8.5	7.77	Khá	Đạt	
66	C180189	Nguyễn Ngọc	14/11/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.0	8.5	7.50	Khá	Đạt	
67	C180190	Văn Trọng	02/5/2003	Nam	Công nghệ ô tô	7.5	M	7.50	Khá	Đạt	
68	C180191	Võ Phạm Huy	20/6/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.3	8.3	7.63	Khá	Đạt	
69	C180193	Lý Ngọc	28/10/2005	Nam	Công nghệ ô tô	7.3	7.2	7.27	Khá	Đạt	
70	C180194	Nguyễn Công	11/02/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.3	8.3	7.63	Khá	Đạt	
71	C180195	Lê Tiến	30/7/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.3	7.7	7.43	Khá	Đạt	
72	C180196	Nguyễn Huỳnh Thành	26/8/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.4	7.9	7.57	Khá	Đạt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Nhà trường	Ngày sinh	Giới tính	Nghề nghiệp	HP1	HP2	ĐTB	Xếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
73	C180197	Nguyễn Hoàng	Việt	08/6/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.0	7.7	7.23	Khá	Đạt	
74	C180199	Huỳnh Công	Vinh	28/7/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.4	7.7	7.50	Khá	Đạt	
75	C180200	Đặng Thế	Vinh	13/5/2006	Nam	Công nghệ ô tô	6.7	7.9	7.10	Khá	Đạt	
76	C180202	Nguyễn Hồng	Diệu	02/01/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.3	7.1	7.23	Khá	Đạt	
77	C180203	Trần Nhật	Đặng	28/7/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.3	7.9	7.50	Khá	Đạt	
78	C180205	Lê Quốc	Hoà	18/8/2003	Nam	Công nghệ ô tô	7.4	8.7	7.83	Khá	Đạt	
79	C180206	Nguyễn Văn	Hoàng	04/10/2005	Nam	Công nghệ ô tô	7.3	7.1	7.23	Khá	Đạt	
80	C180207	Nguyễn Lê	Hoàng	17/7/2005	Nam	Công nghệ ô tô	6.7	6.5	6.63	Trung bình	Đạt	
81	C180210	Trần Mai Ngọc	Huy	20/5/2002	Nam	Công nghệ ô tô	7.4	M	7.40	Khá	Đạt	
82	C180211	Nguyễn Thế	Hy	23/01/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.3	7.3	7.30	Khá	Đạt	
83	C180213	Đinh Đức	Kiệt	26/01/2004	Nam	Công nghệ ô tô	6.7	7.3	6.90	Trung bình	Đạt	
84	C180214	Tăng Đức	Kiệt	02/6/2006	Nam	Công nghệ ô tô	6.7	6.8	6.73	Trung bình	Đạt	
85	C180215	Trần Anh	Kha	26/8/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.3	7.3	7.30	Khá	Đạt	
86	C180217	Nguyễn Văn	Khiêm	25/12/2005	Nam	Công nghệ ô tô	7.4	7.3	7.37	Khá	Đạt	
87	C180218	Nguyễn Ngọc	Linh	25/11/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.3	7.3	7.30	Khá	Đạt	
88	C180219	Nguyễn Đại	Lộc	16/10/2005	Nam	Công nghệ ô tô	7.3	7.1	7.23	Khá	Đạt	
89	C180220	Nguyễn Hoài	Ngọc	26/9/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.3	7.3	7.30	Khá	Đạt	
90	C180221	Nguyễn Xuân	Ngọc	04/7/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.3	7.3	7.30	Khá	Đạt	
91	C180223	Lê Hồng	Quân	15/3/2006	Nam	Công nghệ ô tô	6.7	6.7	6.70	Trung bình	Đạt	
92	C180224	Võ Minh	Quân	13/5/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.3	7.3	7.30	Khá	Đạt	
93	C180227	Nguyễn Mạnh	Quỳnh	18/3/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.3	6.7	7.10	Khá	Đạt	
94	C180228	Võ Nhật	Sinh	17/10/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.3	6.7	7.10	Khá	Đạt	
95	C180229	Nguyễn Văn	Tiến	21/01/2006	Nam	Công nghệ ô tô	6.7	6.8	6.73	Trung bình	Đạt	
96	C180230	Phạm Trung	Tinh	29/5/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.3	6.7	7.10	Khá	Đạt	
97	C180233	Nguyễn Hoàng	Thắng	23/12/2006	Nam	Công nghệ ô tô	6.7	6.1	6.50	Trung bình	Đạt	
98	C180234	Nguyễn Thanh	Thiên	20/01/2006	Nam	Công nghệ ô tô	6.8	6.1	6.57	Trung bình	Đạt	
99	C180236	Trần Cao	Thúc	02/9/1999	Nam	Công nghệ ô tô	7.4	M	7.40	Khá	Đạt	
100	C180239	Vũ Quốc	Việt	02/4/2006	Nam	Công nghệ ô tô	6.7	6.4	6.60	Trung bình	Đạt	
101	C180241	Nguyễn Huỳnh Công	Danh	11/9/2005	Nam	Công nghệ ô tô	7.4	6.7	7.17	Khá	Đạt	
102	C180243	Hứa Diếp Tuấn	Kiệt	23/3/2005	Nam	Công nghệ ô tô	7.9	6.7	7.50	Khá	Đạt	
103	C180244	Trần Duy	Linh	21/9/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.3	6.4	7.00	Khá	Đạt	
104	C180245	Huỳnh Phạm Quốc	Nhật	30/01/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.3	6.4	7.00	Khá	Đạt	
105	C180246	Nguyễn Hữu	Đức	23/5/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.0	7.7	7.23	Khá	Đạt	
106	C180247	Nguyễn Công	Hai	16/6/2001	Nam	Công nghệ ô tô	7.0	7.9	7.30	Khá	Đạt	
107	C180248	Ung Gia	Huy	24/10/2006	Nam	Công nghệ ô tô	6.4	7.6	6.80	Trung bình	Đạt	
108	C180249	Võ Thanh	Khang	08/12/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.1	9.3	7.83	Khá	Đạt	
109	C180250	Nguyễn Minh	Nhật	03/10/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.0	7.6	7.20	Khá	Đạt	
110	C180251	Lê Trọng	Phúc	03/7/1983	Nam	Công nghệ ô tô	8.9	9.3	9.03	Xuất sắc	Đạt	
111	C180252	Diệp Hoàng	Phúc	25/6/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.0	7.6	7.20	Khá	Đạt	
112	C180253	Phan Thanh	Phượng	05/9/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.0	7.6	7.20	Khá	Đạt	
113	C180255	Đặng Văn	Quốc	06/02/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.0	7.5	7.17	Khá	Đạt	
114	C180256	Nguyễn Ngọc Bảo	Trần	14/3/2006	Nữ	Công nghệ ô tô	8.0	8.9	8.30	Giỏi	Đạt	
115	C180258	Bùi Văn	Vòng	25/3/2006	Nam	Công nghệ ô tô	6.9	7.7	7.17	Khá	Đạt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nghành học	HP1	HP2	ĐTBCT	Xếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
116	C180259	Lê	02/9/2006	Nam	Cơ điện tử	6,4	7,0	6,60	Trung bình	Đạt	
117	C180260	Huỳnh Tuấn An	29/6/2006	Nam	Điện công nghiệp	7,3	8,4	7,67	Khá	Đạt	
118	C180261	Triệu Văn	14/7/2006	Nam	Điện công nghiệp	7,1	7,6	7,27	Khá	Đạt	
119	C180262	Đoàn Quốc Cường	11/6/2006	Nam	Điện công nghiệp	6,5	7,9	6,97	Trung bình	Đạt	
120	C180263	Bùi Thanh Dũng	09/02/2006	Nam	Điện công nghiệp	7,3	7,0	7,20	Khá	Đạt	
121	C180265	Nguyễn Thành Đạt	23/6/2006	Nam	Điện công nghiệp	6,7	8,4	7,27	Khá	Đạt	
122	C180266	Hà Hoàng Hiệp	09/10/2005	Nam	Điện công nghiệp	7,0	7,8	7,27	Khá	Đạt	
123	C180267	Nguyễn Ngọc Hòa	02/7/2006	Nam	Điện công nghiệp	7,0	7,8	7,27	Khá	Đạt	
124	C180268	Trần Vĩnh Hội	23/10/2006	Nam	Điện công nghiệp	7,0	7,8	7,27	Khá	Đạt	
125	C180269	Đoàn Quang Hùng	01/9/2006	Nam	Điện công nghiệp	7,0	7,8	7,27	Khá	Đạt	
126	C180270	Huỳnh Quang Kiệt	30/6/2006	Nam	Điện công nghiệp	7,0	8,4	7,47	Khá	Đạt	
127	C180271	Hồ Huỳnh Khai	19/10/2006	Nam	Điện công nghiệp	7,4	8,5	7,77	Khá	Đạt	
128	C180273	Nguyễn Minh Lộc	17/12/2006	Nam	Điện công nghiệp	6,4	8,4	7,07	Khá	Đạt	
129	C180274	Phan Thanh Lộc	28/7/2005	Nam	Điện công nghiệp	7,1	9,3	7,83	Khá	Đạt	
130	C180276	Nguyễn Thành Nhật	18/01/2006	Nam	Điện công nghiệp	6,8	9,1	7,57	Khá	Đạt	
131	C180277	Đặng Anh Nhật	22/10/2006	Nam	Điện công nghiệp	5,8	8,4	6,67	Trung bình	Đạt	
132	C180278	Phan Minh Nhật	05/8/2006	Nam	Điện công nghiệp	6,1	8,4	6,87	Trung bình	Đạt	
133	C180279	Hồ Tấn Phước	28/9/2006	Nam	Điện công nghiệp	6,1	7,6	6,60	Trung bình	Đạt	
134	C180280	Nguyễn Vinh Quang	24/6/2006	Nam	Điện công nghiệp	7,0	7,9	7,30	Khá	Đạt	
135	C180281	Nguyễn Anh Quân	20/10/2006	Nam	Điện công nghiệp	6,4	7,9	6,90	Trung bình	Đạt	
136	C180282	Đỗ Tiến Tài	12/12/2006	Nam	Điện công nghiệp	6,8	8,3	7,30	Khá	Đạt	
137	C180283	Phạm Huỳnh Việt Tiến	20/12/2006	Nam	Điện công nghiệp	6,1	8,4	6,87	Trung bình	Đạt	
138	C180284	Nguyễn Trung Tin	14/10/2006	Nam	Điện công nghiệp	5,8	8,4	6,67	Trung bình	Đạt	
139	C180285	Nguyễn Trung Thành	23/9/2006	Nam	Điện công nghiệp	6,4	9,0	7,27	Khá	Đạt	
140	C180287	Đỗ Minh Thắng	09/4/2006	Nam	Điện công nghiệp	7,0	8,4	7,47	Khá	Đạt	
141	C180289	Lê Chí Thiện	05/02/2006	Nam	Điện công nghiệp	7,3	7,6	7,40	Khá	Đạt	
142	C180290	Lê Văn Thuận	30/4/2006	Nam	Điện công nghiệp	6,7	8,4	7,27	Khá	Đạt	
143	C180292	Huỳnh Minh Trí	23/11/2006	Nam	Điện công nghiệp	7,0	8,4	7,47	Khá	Đạt	
144	C180293	Nguyễn Ngô Quang Trường	03/02/2006	Nam	Điện công nghiệp	6,8	9,1	7,57	Khá	Đạt	
145	C180294	Đặng Quốc Việt	13/7/2006	Nam	Điện công nghiệp	6,5	8,4	7,13	Khá	Đạt	
146	C180297	Đinh Thành Công	22/6/2006	Nam	Điện công nghiệp	6,4	8,4	7,07	Khá	Đạt	
147	C180298	Đoàn Văn Danh	17/11/2006	Nam	Điện công nghiệp	7,0	7,7	7,23	Khá	Đạt	
148	C180299	Đặng Trần Tiên Đạt	20/11/2002	Nam	Điện công nghiệp	7,4	7,1	7,30	Khá	Đạt	
149	C180300	Đinh Quốc Đông	21/12/2004	Nam	Điện công nghiệp	6,7	7,0	6,80	Trung bình	Đạt	
150	C180301	Lương Quốc Hoài	11/12/2006	Nam	Điện công nghiệp	5,8	7,4	6,33	Trung bình	Đạt	
151	C180302	Nguyễn Huy Hoàng	29/3/2006	Nam	Điện công nghiệp	6,4	7,3	6,70	Trung bình	Đạt	
152	C180303	Trần Duy Hoàng	18/10/2004	Nam	Điện công nghiệp	6,1	7,4	6,53	Trung bình	Đạt	
153	C180304	Phạm Văn Hưu	10/01/2004	Nam	Điện công nghiệp	7,1	7,1	7,10	Khá	Đạt	
154	C180305	Lê Anh Kiệt	24/10/2006	Nam	Điện công nghiệp	6,5	7,8	6,93	Trung bình	Đạt	
155	C180306	Lê Thái Kiệt	15/02/2006	Nam	Điện công nghiệp	6,8	7,4	7,00	Khá	Đạt	
156	C180307	Phạm Ngọc An Khang	21/4/2006	Nam	Điện công nghiệp	6,1	8,1	6,77	Trung bình	Đạt	
157	C180308	Đào Đăng Khoa	15/6/2005	Nam	Điện công nghiệp	7,1	7,5	7,23	Khá	Đạt	
158	C180309	Lương Châu Hoàng Long	03/11/2006	Nam	Điện công nghiệp	7,0	7,7	7,23	Khá	Đạt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nghành học	HP1	HP2	ĐTBCTC	Xếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
159	C180310	Trần Hữu Nghĩa	18/4/2006	Nam	Điện công nghiệp	7.0	7.7	7.23	Khá	Đạt	
160	C180311	Lý Võ Nguyên	13/11/2006	Nam	Điện công nghiệp	5.8	7.8	6.47	Trung bình	Đạt	
161	C180312	Lê Hữu Thành Nhân	13/12/2006	Nam	Điện công nghiệp	6.4	7.7	6.83	Trung bình	Đạt	
162	C180313	Huỳnh Gia Phúc	12/10/2006	Nam	Điện công nghiệp	6.5	7.3	6.77	Trung bình	Đạt	
163	C180314	Đoàn Minh Quân	07/5/2005	Nam	Điện công nghiệp	6.5	7.5	6.83	Trung bình	Đạt	
164	C180315	Trần Ái Quốc	07/02/2006	Nam	Điện công nghiệp	7.1	7.4	7.20	Khá	Đạt	
165	C180316	Trần Anh Quốc	12/7/2006	Nam	Điện công nghiệp	6.4	7.8	6.87	Trung bình	Đạt	
166	C180317	Nguyễn Bảo Sang	17/8/2006	Nam	Điện công nghiệp	7.4	7.7	7.50	Khá	Đạt	
167	C180318	Hà Nguyễn Chiêu Sinh	28/7/2006	Nam	Điện công nghiệp	6.8	7.1	6.90	Trung bình	Đạt	
168	C180319	Trần Thế Tài	02/11/2006	Nam	Điện công nghiệp	6.1	7.5	6.57	Trung bình	Đạt	
169	C180320	Huỳnh Văn Tâm	14/7/2006	Nam	Điện công nghiệp	6.5	7.4	6.80	Trung bình	Đạt	
170	C180321	Lê Minh Tâm	20/11/2006	Nam	Điện công nghiệp	6.5	7.8	6.93	Trung bình	Đạt	
171	C180322	Nguyễn Thanh Tú	12/6/2006	Nam	Điện công nghiệp	6.4	7.4	6.73	Trung bình	Đạt	
172	C180323	Nguyễn Tùng Thiên	06/8/2005	Nam	Điện công nghiệp	5.8	7.3	6.30	Trung bình	Đạt	
173	C180324	Thần Trọng Thịnh	01/01/2006	Nam	Điện công nghiệp	5.8	7.4	6.35	Trung bình	Đạt	
174	C180325	Nguyễn Đỗ Quốc Thông	05/8/2006	Nam	Điện công nghiệp	6.8	7.7	7.10	Khá	Đạt	
175	C180326	Đinh Văn Trai	11/4/2006	Nam	Điện công nghiệp	5.8	7.5	6.37	Trung bình	Đạt	
176	C180327	Nguyễn Bùi Trung	28/11/2006	Nam	Điện công nghiệp	6.4	7.3	6.70	Trung bình	Đạt	
177	C180328	Huỳnh Thiểu Kỳ	23/01/2006	Nam	Điện công nghiệp	6.4	7.5	6.77	Trung bình	Đạt	
178	C180329	Phạm Trọng Bảo	16/10/2006	Nam	Điện công nghiệp	5.8	8.1	6.57	Trung bình	Đạt	
179	C180330	Nguyễn Trường Chinh	20/12/2002	Nam	Điện công nghiệp	5.8	M	5.80	Trung bình	Đạt	
180	C180331	Nguyễn Hoàng Hải Đăng	01/01/2006	Nam	Điện công nghiệp	5.8	7.9	6.50	Trung bình	Đạt	
181	C180332	Nguyễn Quốc Diệp	19/7/2006	Nam	Điện công nghiệp	6.2	7.7	6.70	Trung bình	Đạt	
182	C180333	Nguyễn Thanh Hải	26/9/2006	Nam	Điện công nghiệp	5.8	7.9	6.50	Trung bình	Đạt	
183	C180335	Đinh Văn Hiệp	26/3/2006	Nam	Điện công nghiệp	6.2	7.9	6.77	Trung bình	Đạt	
184	C180336	La Văn Hoài	24/8/2004	Nam	Điện công nghiệp	6.1	5.3	5.83	Trung bình	Đạt	
185	C180337	Phan Châu Khanh	03/9/2006	Nam	Điện công nghiệp	6.4	5.8	6.20	Trung bình	Đạt	
186	C180338	Cao Thành Lộc	09/12/2005	Nam	Điện công nghiệp	7.0	7.7	7.23	Khá	Đạt	
187	C180339	Nguyễn Thanh Nguyên	05/11/2006	Nam	Điện công nghiệp	6.9	7.1	6.97	Trung bình	Đạt	
188	C180340	Ngô Quốc Nhật	15/02/2006	Nam	Điện công nghiệp	5.7	7.6	6.33	Trung bình	Đạt	
189	C180341	Trịnh Thanh Phong	22/3/2006	Nam	Điện công nghiệp	7.1	6.5	6.90	Trung bình	Đạt	
190	C180343	Nguyễn Đức Thịnh	05/6/2006	Nam	Điện công nghiệp	7.0	6.5	6.83	Trung bình	Đạt	
191	C180344	Trương Công Thuận	28/9/2006	Nam	Điện công nghiệp	7.5	6.4	7.13	Khá	Đạt	
192	C180345	Văn Trần Minh Triết	05/12/2006	Nam	Điện công nghiệp	5.7	6.4	5.93	Trung bình	Đạt	
193	C180347	Trần Triều Đại	16/3/2006	Nam	Điện công nghiệp	5.8	7.7	6.43	Trung bình	Đạt	
194	C180348	Đinh Thành Luân	03/4/2003	Nam	Điện công nghiệp	7.1	M	7.10	Khá	Đạt	
195	C180352	Hồ Lê Bảo	05/9/2000	Nam	Điện công nghiệp	6.5	8.0	7.00	Khá	Đạt	
196	C180353	Trương Văn Đình	27/4/2006	Nam	Điện công nghiệp	5.8	8.0	6.53	Trung bình	Đạt	
197	C180354	Nguyễn Đình Khoa	23/7/2006	Nam	Điện công nghiệp	7.6	6.7	7.30	Khá	Đạt	
198	C180355	Nguyễn Phong Hòa	30/8/2006	Nam	Điện công nghiệp	5.9	7.3	6.37	Trung bình	Đạt	
199	C180356	Vô Gia Bảo	25/5/2005	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	5.9	8.3	6.70	Trung bình	Đạt	
200	C180357	Nguyễn Thái Biên	21/01/2006	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	6.7	8.3	7.23	Khá	Đạt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành học	HP1	HP2	ĐTB	Xếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
201	C180359	Nguyễn Anh Cường	02/12/2006	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	7.0	7.7	7.23	Khá	Đạt	
202	C180360	Đặng Huỳnh Châu	23/02/2006	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	6.5	7.2	6.73	Trung bình	Đạt	
203	C180361	Võ Văn Chương	16/6/2006	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	6.6	8.0	7.07	Khá	Đạt	
204	C180362	Phan Đình Duy	10/10/2006	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	7.0	7.5	7.17	Khá	Đạt	
205	C180363	Võ Tiến Đạt	27/11/2006	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	6.7	8.5	7.30	Khá	Đạt	
206	C180364	Nguyễn Sỹ Hào	17/8/2006	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	7.3	8.9	7.83	Khá	Đạt	
207	C180366	Đinh Quang Huy	09/10/2006	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	6.9	8.7	7.50	Khá	Đạt	
208	C180367	Nguyễn Công Huy	25/02/2006	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	6.3	8.9	7.17	Khá	Đạt	
209	C180368	Hồ Văn Hưng	26/01/2006	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	7.3	8.9	7.83	Khá	Đạt	
210	C180369	Lê Văn Kết	17/9/2006	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	7.9	8.3	8.03	Giỏi	Đạt	
211	C180370	Phạm Minh Khang	12/12/2006	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	7.6	9.1	8.10	Giỏi	Đạt	
212	C180371	Nguyễn Nam Khánh	29/4/2006	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	6.3	7.7	6.77	Trung bình	Đạt	
213	C180372	Bùi Văn Lâm	22/11/2006	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	6.9	7.7	7.17	Khá	Đạt	
214	C180373	Hồ Văn Năm	25/5/2006	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	7.0	6.7	6.90	Trung bình	Đạt	
215	C180374	Phan Hữu Nghĩa	02/7/2006	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	6.9	7.1	6.97	Trung bình	Đạt	
216	C180375	Trần Đình Nguyễn	14/8/2006	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	5.9	7.8	6.53	Trung bình	Đạt	
217	C180376	Nguyễn Quang Nhật	10/12/2004	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	6.9	7.7	7.17	Khá	Đạt	
218	C180378	Huỳnh Mạnh Tấn	26/5/2006	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	7.0	7.9	7.30	Khá	Đạt	
219	C180380	Trần Văn Tú	01/8/2005	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	7.1	8.3	7.50	Khá	Đạt	
220	C180381	Nguyễn Hữu Thiên	19/4/2005	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	6.3	7.9	6.83	Trung bình	Đạt	
221	C180382	Trần Hữu Thuận	14/01/2006	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	6.9	7.7	7.17	Khá	Đạt	
222	C180383	Lương Triều	29/3/2006	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	7.6	7.9	7.70	Khá	Đạt	
223	C180384	Lê Đức Trọng	10/5/2006	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	6.9	7.1	6.97	Trung bình	Đạt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành học	HP1	HP2	ĐTBCT	Xếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
224	C180385	Lê Quốc	Trung	01/3/2006	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	6.3	7.3	6.63	Trung bình	Đạt
225	C180386	Lê Trần Đức	Trung	10/10/2006	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	7.5	7.5	7.50	Khá	Đạt
226	C180387	Lê Trung	Trực	23/6/2005	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	7.0	7.1	7.03	Khá	Đạt
227	C180388	Nguyễn Đình	Văn	30/7/2006	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	6.6	6.7	6.63	Trung bình	Đạt
228	C180390	Bùi Anh	Vũ	13/5/2006	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	5.9	7.7	6.50	Trung bình	Đạt
229	C180391	Nguyễn Duy	Vũ	22/11/2006	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	6.6	7.7	6.97	Trung bình	Đạt
230	C180395	Nguyễn Văn	Đình	02/7/2002	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	6.1	M	6.10	Trung bình	Đạt
231	C180396	Huỳnh Văn	Đình	26/4/2006	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	7.4	7.5	7.43	Khá	Đạt
232	C180397	Phạm Xuân	Hiếu	04/8/2006	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	6.6	8.5	7.23	Khá	Đạt
233	C180398	Nguyễn Trung	Hiếu	27/02/2006	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	7.0	8.3	7.43	Khá	Đạt
234	C180399	Nguyễn Văn	Hùng	12/12/2006	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	7.6	8.1	7.77	Khá	Đạt
235	C180401	Lê Đức	Linh	15/12/2006	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	6.3	8.3	6.97	Trung bình	Đạt
236	C180403	Phạm	Nguyễn	01/01/2006	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	6.3	7.7	6.77	Trung bình	Đạt
237	C180405	Nguyễn Anh	Sang	13/12/2006	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	7.0	6.8	6.93	Trung bình	Đạt
238	C180406	Đặng Thanh	Tân	15/01/2006	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	7.0	7.1	7.03	Khá	Đạt
239	C180408	Đinh Quốc	Tuấn	20/10/2006	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	6.9	8.9	7.57	Khá	Đạt
240	C180410	Lê Minh	Thuận	07/10/2006	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	7.5	8.5	7.83	Khá	Đạt
241	C180561	Nguyễn Huỳnh	Đức	18/7/2006	Nam	Công nghệ ô tô	6.7	6.7	6.70	Trung bình	Đạt
242	C180563	Trần Nhật	Tuấn	10/4/2006	Nam	Cơ điện tử	7.3	7.5	7.37	Khá	Đạt
243	C180566	Lê Hoài	Phúc	27/12/2006	Nam	Điện công nghiệp	5.8	7.9	6.50	Trung bình	Đạt
244	C180567	Huỳnh Đình	Lợi	17/4/2006	Nam	Điện công nghiệp	6.5	7.3	6.77	Trung bình	Đạt
245	C180568	Nguyễn Kế Trương	Hoàng	23/10/2004	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	6.7	7.1	6.83	Trung bình	Đạt
246	C180585	Nguyễn Huỳnh Khánh	Duy	12/5/2005	Nam	Điện công nghiệp	6.1	8.3	6.83	Trung bình	Đạt
247	C180586	Võ Văn	Thạch	28/5/2003	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	7.9	8.6	8.13	Giỏi	Đạt
248	C180587	Huỳnh Lương Quốc	Tú	04/12/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.3	7.0	7.20	Khá	Đạt
249	C180588	Lê Quốc	Tuấn	10/7/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.9	6.7	7.50	Khá	Đạt

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nghành học	HP1	HP2	DTBC	Xếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
250	C180590	Nguyễn Nhật Hoàng	05/6/2006	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	6.6	8.3	7.17	Khá	Đạt	
251	C180594	Nguyễn Anh Khoa	01/4/2006	Nam	Công nghệ ô tô	6.7	6.2	6.53	Trung bình	Đạt	
252	C180595	Phạm Văn Linh	31/10/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.4	6.7	7.17	Khá	Đạt	
253	C180596	Nguyễn Thành Trung	16/01/2006	Nam	Công nghệ ô tô	6.7	6.2	6.53	Trung bình	Đạt	
254	C180597	Nguyễn Thế Anh	24/02/1998	Nam	Cơ điện tử	6.4	M	6.40	Trung bình	Đạt	
255	C180599	Trương Hùng Nghĩa	12/5/2006	Nam	Điện công nghiệp	6.3	6.7	6.43	Trung bình	Đạt	
256	C180600	Huyền Thanh Trọng	12/12/2004	Nam	Điện công nghiệp	7.0	7.4	7.13	Khá	Đạt	
257	C180601	Nguyễn Quốc Việt	25/10/2006	Nam	Điện công nghiệp	6.3	6.1	6.23	Trung bình	Đạt	
258	C180602	Phạm Duy Khang	26/11/2006	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	7.0	7.5	7.17	Khá	Đạt	
259	C180603	Đặng Minh Tuấn	29/11/2006	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	6.9	8.0	7.27	Khá	Đạt	
260	C180638	Phạm Minh Sang	27/10/2006	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	6.9	8.0	7.27	Khá	Đạt	
261	C180640	Già Mai Gia Hoàng	14/5/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.3	7.6	7.40	Khá	Đạt	
262	C180641	Trần Phúc Hưng	06/9/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.3	7.3	7.30	Khá	Đạt	
263	C180642	Nguyễn Hữu Tân	26/01/2005	Nam	Công nghệ ô tô	6.5	7.6	6.87	Trung bình	Đạt	
264	C180674	Trịnh Lê Thành	03/02/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.3	7.0	7.20	Khá	Đạt	
265	C180675	Lê Thịnh	06/6/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.0	6.2	6.73	Trung bình	Đạt	
266	C180676	Nguyễn Thành Dũng	10/7/2006	Nam	Điện công nghiệp	6.1	8.4	6.87	Trung bình	Đạt	
267	C180678	Nguyễn Lê Thành Quang	12/8/2006	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	6.9	8.3	7.37	Khá	Đạt	
268	C180681	Nguyễn Ngọc Huy	29/4/2006	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	7.0	8.0	7.33	Khá	Đạt	
269	C180685	Võ Nhật Trường	08/7/2005	Nam	Công nghệ ô tô	6.9	7.0	6.93	Trung bình	Đạt	
270	C180699	Võ Hoài Thắng	30/4/2006	Nam	Công nghệ ô tô	8.0	7.6	7.87	Khá	Đạt	
271	C180726	Bùi Mẫn Nghi	30/3/2006	Nữ	Kế toán doanh nghiệp	8.0	8.0	8.00	Giỏi	Đạt	
272	C180745	Nguyễn Quang Trường	18/02/2006	Nam	Cơ điện tử	7.6	8.1	7.77	Khá	Đạt	
273	C180764	Lê Hoàng Vỹ	16/12/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.9	7.0	7.60	Khá	Đạt	
274	C180766	Từ Lê Đông	09/3/2006	Nam	Công nghệ ô tô	6.7	6.7	6.70	Trung bình	Đạt	
275	C180767	Huyền Ngọc Quang	04/02/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.4	7.3	7.37	Khá	Đạt	
276	C180768	Nguyễn Thanh Ngọc	10/10/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.3	7.3	7.30	Khá	Đạt	
277	C180769	Phan Văn Nhân	07/5/2006	Nam	Công nghệ ô tô	6.7	7.0	6.80	Trung bình	Đạt	
278	C180770	Huyền Phúc Hậu	07/9/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.0	5.6	6.53	Trung bình	Đạt	
279	C180772	Trần Minh Định	26/4/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.4	6.7	7.17	Khá	Đạt	
280	C180777	Trần Hưng Thịnh	09/8/2006	Nam	Cơ điện tử	7.0	7.5	7.17	Khá	Đạt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nghành học	HP1	HP2	ĐTBCT	Xếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
281	C180778	Trần Ý	11/6/2006	Nam	Điện công nghiệp	5.8	7.6	6.40	Trung bình	Đạt	
282	C180779	Đặng Mai	05/11/2006	Nam	Điện công nghiệp	5.8	8.4	6.67	Trung bình	Đạt	
283	C180781	Huyền Nhứt	29/4/2006	Nam	Điện công nghiệp	6.7	7.0	6.80	Trung bình	Đạt	
284	C180782	Ngô Văn	13/10/2005	Nam	Điện công nghiệp	6.4	8.4	7.07	Khá	Đạt	
285	C180783	Huyền Nhứt	20/6/2006	Nam	Điện công nghiệp	6.7	7.9	7.10	Khá	Đạt	
286	C180784	Bùi Quốc	11/12/2006	Nam	Điện công nghiệp	6.7	7.9	7.10	Khá	Đạt	
287	C180785	Nguyễn Minh	07/3/2006	Nam	Điện công nghiệp	6.7	7.9	7.10	Khá	Đạt	
288	C180786	Lê Hoàng	16/4/2006	Nam	Điện công nghiệp	6.4	8.0	6.93	Trung bình	Đạt	
289	C180787	Nguyễn Đình	06/8/2006	Nam	Điện công nghiệp	5.8	8.3	6.63	Trung bình	Đạt	
290	C180788	Trương Thiện	16/11/2006	Nam	Điện công nghiệp	5.8	8.1	6.57	Trung bình	Đạt	
291	C180789	Nguyễn Tấn	10/7/2006	Nam	Điện công nghiệp	5.8	7.1	6.23	Trung bình	Đạt	
292	C180790	Nguyễn Ngọc	12/7/2006	Nam	Điện công nghiệp	6.6	6.8	6.67	Trung bình	Đạt	
293	C180793	Nguyễn Huy	21/5/2006	Nam	Công nghệ ô tô	6.7	6.3	6.57	Trung bình	Đạt	
294	C180795	Nguyễn Võ Quốc	11/6/2006	Nam	Công nghệ ô tô	8.0	7.9	7.97	Khá	Đạt	
295	C180796	Hồ Lê Anh	17/3/2005	Nam	Công nghệ ô tô	7.9	6.7	7.50	Khá	Đạt	
296	C180797	Nguyễn Lê	04/6/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.6	7.7	7.63	Khá	Đạt	
297	C180802	Lê Phạm	02/9/2006	Nam	Điện công nghiệp	5.8	8.4	6.67	Trung bình	Đạt	
298	C180803	Vô Văn	25/12/2006	Nam	Điện công nghiệp	6.4	8.3	7.03	Khá	Đạt	
299	C180841	Đặng Trung	07/10/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.3	6.7	7.10	Khá	Đạt	
300	C180850	Hoàng Trung	15/3/2006	Nam	Điện công nghiệp	6.1	8.3	6.83	Trung bình	Đạt	
301	C180871	Trần Nguyễn Gia	22/3/2005	Nam	Công nghệ ô tô	7.4	6.7	7.17	Khá	Đạt	
302	C180893	Đinh Văn	10/12/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.3	7.0	7.20	Khá	Đạt	
303	C180894	Nguyễn Thành	21/11/2006	Nam	Điện công nghiệp	5.9	6.0	5.93	Trung bình	Đạt	
304	C180898	Trần Trí	17/8/2006	Nam	Điện công nghiệp	5.8	7.7	6.43	Trung bình	Đạt	
305	C180902	Lê Trung	16/02/2006	Nam	Điện công nghiệp	6.1	8.3	6.83	Trung bình	Đạt	
306	C180911	Trần Thành	30/10/2006	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	6.3	8.1	6.90	Trung bình	Đạt	
307	C180919	Huỳnh Ngọc	31/3/2006	Nam	Điện công nghiệp	7.0	7.1	7.03	Khá	Đạt	
308	C180930	Bùi Trung	21/11/2006	Nam	Điện công nghiệp	6.2	9.1	7.17	Khá	Đạt	
309	C180944	Trần Bá	16/4/2001	Nam	Cơ điện tư	6.8	7.9	7.17	Khá	Đạt	
310	C180945	Bùi Văn	24/12/2004	Nam	Điện công nghiệp	6.4	8.4	7.07	Khá	Đạt	
311	C180946	Phạm Chí	19/10/2006	Nam	Điện công nghiệp	5.8	8.0	6.53	Trung bình	Đạt	
312	C180947	Trần Văn	28/4/2006	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	6.9	8.1	7.30	Khá	Đạt	
313	C180949	Trương Tấn	23/7/2005	Nam	Điện công nghiệp	6.4	7.0	6.60	Trung bình	Đạt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành học	HP1	HP2	DTBC	Xếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
314	C180985	Trương Văn Phúc	28/8/1997	Nam	Điện công nghiệp	7.4	8.1	7.63	Khá	Đạt	

Số sinh viên dặt: 314; Số sinh viên không dặt: 0

Gia Lai, ngày 18 tháng 7 năm 2025

GIÁM ĐỐC

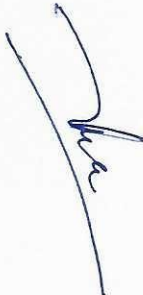
TRƯỞNG KHOA

PHÒNG ĐT&QLSV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

NGƯỜI LẬP BẢNG



CN. Lê Văn Lợi



CN. Trần Thế Hưng



ThS. Nguyễn Thanh Ngọc





Đoàn Đức Tùng

